

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 16-9-2022

V/v: Ly hôn giữa chị L và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Lê Huân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01/8/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐ-PT ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị L - Sinh năm 1989

ĐKHKT: Thôn A - xã P - huyện Trực Ninh - tỉnh Nam Định

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1986

ĐKHKT: Thôn C - xã P - huyện Trực Ninh - tỉnh Nam Định

+ **Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P - huyện Trực Ninh vào ngày 10-11-2008. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 3-2019

vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau và không thông cảm cho nhau, nên từ tháng 12-2020 vợ chồng sống ly thân. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Quang Th - sinh ngày 13/10/2009, cháu Nguyễn Thu H - sinh ngày 22/12/2011, cháu Nguyễn Bảo K - sinh ngày 28/11/2013; hiện cả 03 con đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Quang Th và Nguyễn Thu H, để anh T nuôi cháu Nguyễn Bảo K. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Bùi Thị L về thời gian, địa điểm kết hôn. Anh T cũng xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; gia đình chị L đã xuống đón chị L về, sau đó anh T có tìm chị L về nhưng vợ chồng chung sống chỉ được khoảng 01 năm thì chị L lại bỏ đi từ tháng 2/2020 cho đến nay không về nhà, chị L để lại cả 03 con chung cho anh T nuôi. Nay chị L đề nghị xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không nhất trí ly hôn vì gia đình anh là Công Giáo.

Về tài sản: Anh chị kết hôn và đang sống chung với gia đình bố mẹ anh T nên không có tài sản gì.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử lý cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Con chung: Giao chị Bùi Thị L có trách nhiệm nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Quang Th - sinh ngày 13/10/2009. Giao anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H - sinh ngày 22/12/2011, và cháu Nguyễn Bảo K - sinh ngày 28/11/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Bùi Thị L, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 05/7/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng giao quyền nuôi cả 03 con chung cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày và tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau: Không đồng ý để chị L nuôi dưỡng cháu Th, vì anh Th muốn được nuôi cả 03 con chung, muốn để 03 con chung cùng sống chung một nhà, không muốn tách các con ra sinh sống ở 02 nơi khác nhau. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao quyền nuôi 03 con chung cho anh T.

- Nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày ý kiến, tranh luận như sau: Không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh T, chị L vẫn muốn được quyền nuôi con chung theo phán quyết của bản án sơ thẩm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Lý do kháng cáo anh Nguyễn Văn T nêu ra muốn được nuôi cả 03 con chung không có căn cứ pháp lý, vì cả hai vợ chồng đều có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để bảo đảm được việc nuôi dưỡng con chung, cả hai đều có nguyện vọng nuôi con chung, vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn T:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P - huyện Trực Ninh - tỉnh Nam Định vào năm 2008, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án sơ thẩm đã xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị L và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Quang Th - sinh ngày 13/10/2009, cháu Nguyễn Thu H - sinh ngày 22/12/2011, cháu Nguyễn Bảo K - sinh ngày 28/11/2013.

Nhận thấy, hiện nay cả 03 con chung của chị L - anh T đều chưa thành niên, nên rất cần sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục thường xuyên của cha mẹ để cho các con được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần; Hiện nay anh T và chị L đều có nơi ở, có công việc và có thu nhập ổn định đảm bảo được việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung, chị L - anh T đều có nguyện vọng mong muốn được quyền nuôi dưỡng chăm sóc các con; căn cứ vào độ tuổi và tâm sinh lý phát triển của các con chưa thành niên, điều kiện công việc và môi trường sinh sống học tập hiện tại, thấy cấp sơ thẩm đã xét xử giao chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quang Th - sinh ngày 13/10/2009; giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H - sinh ngày 22/12/2011 và cháu Nguyễn Bảo K - sinh ngày 28/11/2013, là có căn cứ pháp lý - phù hợp thực tế, bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên theo quy định của Luật trẻ em và Luật hôn nhân và gia đình.

Kháng cáo của anh Nguyễn Văn T đề nghị được nuôi cả 03 con chung khi ly hôn, không có căn cứ pháp lý nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn T không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.1. Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2.2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quang Th - sinh ngày 13/10/2009; giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H - sinh ngày 22/12/2011 và cháu Nguyễn Bảo K - sinh ngày 28/11/2013; cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Quang Th cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Bùi Thị L, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; đều có quyền - nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Văn T đã nộp tại biên lai số 0002041 ngày 21-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, xác định anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh NĐ
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương